

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Lương Anh
2. Ông Phạm Quang Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 695/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1977

Cư trú tại: số X, Trạm H, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt

Địa chỉ liên lạc: tổ dân phố thôn L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Ông **Huỳnh Việt T**, sinh năm: 1977

Cư trú tại: số X, Trạm H, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, lời trình bày tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Nguyễn Thị H thì, bà và ông Huỳnh Việt T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đ. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại thôn T, xã T, thành phố Đ. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, luôn về nhà đánh đập và vu khống cho bà có quan hệ bất chính. Từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Việt T.

Về con chung, bà và ông T có 03 con chung là Huỳnh Lâm Đ, sinh ngày 13/5/2002; Huỳnh Lâm P, sinh ngày 20/7/2003 và Huỳnh Anh M, sinh ngày 13/6/2014, hiện nay 03 con đang ở với bà. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu P và cháu M, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đ đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, bà xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Việt T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và ông T cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình để gửi cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa*, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. Về con chung, bà H có nguyện vọng được nuôi cháu P và cháu M, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hoa, xử cho bà H được ly hôn với ông T. Về con chung, giao con Huỳnh Lâm P, sinh ngày 20/7/2003 và Huỳnh Anh M, sinh ngày 13/6/2014 cho bà H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã X, thành phố Đ. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên toà, bà H xác định không còn tình cảm với ông T và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn còn ông T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn kéo dài nên cả hai vợ chồng đã tự sống ly thân nhau, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, xử cho bà H và ông T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung là Huỳnh Lâm Đ, sinh ngày 13/5/2002; Huỳnh Lâm P, sinh ngày 20/7/2003 và Huỳnh Anh M, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu P và cháu M, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu P và cháu M đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn còn cháu M còn nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao 02 con chung là Huỳnh Lâm P, sinh ngày 20/7/2003 và Huỳnh Anh M, sinh ngày 13/6/2014 cho bà H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với cháu Huỳnh Lâm Đ đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Việt T được ly hôn.

2/Về con chung: Giao 02 con chung là Huỳnh Lâm P, sinh ngày 20/7/2003 và Huỳnh Anh M, sinh ngày 13/6/2014 cho bà H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003278 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, bà H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND xã X, tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy Ngọc**